

V/v “Kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính”

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Ngô Hữu N1 - Chủ tịch. Vắng mặt

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Dư .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/3/2022, bản tự khai ngày 24/5/2023 và đơn khởi kiện ngày 24/5/2023 người khởi kiện bà Nguyễn Thị D trình bày:

Năm 1978, gia đình cụ Nguyễn A và cụ Nguyễn Thị C là cha mẹ của bà Nguyễn Thị D cùng các con theo chương trình di dân đến lập cư tại vùng kinh tế mới nay thuộc: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, được Nhà nước cấp đất để ở và canh tác cho đến nay với diện tích: 4.263,4m² thuộc Thửa đất số: 38, tờ bản đồ số 8 trước đây là thửa 38, tờ bản đồ số 8 (bản đồ địa chính năm 1996); sau đó đổi thành thửa đất số 48, tờ bản đồ địa chính 14 (bản đồ địa chính VN-2000) (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 48). Cụ A và cụ C trồng điều và các loại cây hoa màu để sinh sống, sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp. Năm 2016, cụ Nguyễn A chết; năm 2019, cụ Nguyễn Thị C chết, 6 chị em trong gia đình vẫn tiếp tục sử dụng Thửa đất số 48.

Vừa qua, gia đình bà D có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 48 thì được cán bộ UBND xã V giải thích: Thửa đất số 48 xã đã đưa vào quy hoạch Phân Trạm y tế Tân Phú và theo dự thảo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 thì đưa vào quy hoạch Khu T nên UBND xã không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà D và các chị em, đến khi nào Nhà nước thu hồi xây dựng Khu thể thao xã V thì Nhà nước sẽ bồi thường theo quy định.

Gia đình bà D đã rào ranh giới khu đất của chính mình quản lý, sử dụng để bảo vệ cây trái và hoa màu của mình, cụ thể: 01 đoạn xây dựng móng đá chẻ, 01 đoạn không xây, xung quanh trồng trụ bê tông và trụ gỗ, kéo dây kẽm gai 04 sợi bao quanh Thửa đất số 48.

Ngày 28/10/2021, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số: 8247/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị D về hành vi chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm khác) (viết tắt là Quyết định số: 8247/QĐ-XPVPHC), cụ thể: Xây dựng tường rào với kết cấu 01 đoạn xây dựng móng đá chẻ, 01 đoạn không xây, xung quanh trồng trụ bê tông và trụ gỗ, kéo dây kẽm gai, với diện tích bao chiếm là 2.990,1m² tại thửa đất số 48 do UBND xã quản lý; hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 20.000.000 đồng; các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất lấn chiếm.

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 8247/QĐ-XPVPHC vì Chủ tịch UBND huyện V xác định nguồn gốc đất do UBND xã quản lý để làm căn cứ xác định là hành vi vi phạm hành chính với bà Nguyễn Thị D là không đúng, trình tự thủ tục lập biên bản làm việc, ban hành Quyết định không có bà D chứng kiến là không đúng pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sử dụng đất, quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà Nguyễn Thị D và gia đình.

Tại Văn bản số: 2409/UBND-TP ngày 06/7/2023 và quá trình tố tụng, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng Thửa đất số 48:

Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14 (Bản đồ địa chính VN-2000), diện tích 3355,2m², mục đích sử dụng: BHK, theo Sổ mục kê được lập theo dự án V năm 2012 thể hiện tên người sử dụng là hộ ông Nguyễn Đ là do có sự nhầm lẫn trong quá trình tác nghiệp, vì hộ ông Nguyễn Đ từ trước tới nay không canh tác sử dụng Thửa đất số 48 (ông Nguyễn Đ hiện nay đã chết, ngày 09/5/2023 UBND xã V đã trực tiếp gặp ông Nguyễn Đ1 là con ông Nguyễn Đ lập biên bản làm việc để làm rõ việc nhầm lẫn trong quá trình lập sổ mục kê mang tên ông Nguyễn Đ và ông Nguyễn Đ1 đã khẳng định rằng: Diện tích Thửa đất số 48 từ trước tới nay không liên quan gì đến ông Nguyễn Đ). Theo Bản đồ địa chính xã V năm 1996 là 01 phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 08, loại đất Hg, diện tích 6.485m², theo Sổ mục kê năm 1996 tên chủ sử dụng đất: UBND xã V, huyện V quản lý từ năm 1996 cho đến nay.

Năm 1978, hộ cụ Nguyễn Á di dân theo diện kinh tế mới, xây dựng nhà ở tại 01 phần Thửa đất số 38, tờ bản đồ 08 (Bản đồ địa chính xã V năm 1996) nay là Thửa đất số 48. Sau đó, do sử dụng đất không có hiệu quả nên đến năm 1988 hộ cụ Nguyễn Á bỏ thửa đất nêu trên và chuyển sang nhận vị trí thửa đất số 41, tờ bản đồ 08 (Bản đồ địa chính 201 xã V năm 1996), diện tích 1.970m², nay là thửa đất số 23, tờ bản đồ 35 (Bản đồ địa chính VN-2000), diện tích 2.647,2m² để xây dựng nhà và ở ổn định tại thửa đất trên từ đó cho đến nay.

Theo phương án giao đất nông nghiệp trên địa bàn xã theo Nghị định 64/CP thì đối tượng chính được giao đất là những người sống chính bằng nông nghiệp, có nhân khẩu thường trú tại địa phương và các đối tượng được xem xét giao đất theo các loại, hạng ruộng đất, diện tích bình quân 742m²/khẩu. Hộ cụ Á và cụ C tại thời điểm cân đối giao đất là hộ thường trú tại địa phương, có 05 khẩu sống chính bằng nông nghiệp được cân đối giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41, 813, 807, 176, tờ bản đồ 08 (Bản đồ địa chính 201 năm 1996), tổng diện tích 5.365m² (Trong đó: ONT 200m²; vườn 1.770m²; đất màu 2620m²; đất lúa 775m²) và hộ cụ Nguyễn Á được cân đối giao đất đảm bảo theo Phương án giao đất nếu thiếu hoặc thừa từ 50m² đến 100m² thì sẽ không giao thêm và cũng không rút bớt.

UBND xã V thực hiện việc phân chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP vào năm 1995. Tại thời điểm phân chia ruộng đất hộ cụ Nguyễn Á và cụ Nguyễn Thị C không đưa phần diện tích thửa đất số 38, tờ bản đồ 08, Bản đồ địa chính 201 (nay là thửa số 48, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính VN-2000) vào để cân đối giao đất cho hộ cụ Á, cụ C và cũng không có ý kiến gì về thửa đất trên. Cũng tại thời điểm này hộ cụ Á, cụ C chỉ đưa thửa đất số 41, tờ bản đồ 08 (bản đồ địa chính 201 do năm 1996), diện tích 1970m² vào cân đối theo Nghị định 64/CP và được cấp theo tiêu chuẩn của hộ cùng với các thửa đất khác. Cụ thể đã thể hiện trong hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Á, cụ C vào năm 1996, gồm các thửa đất sau đây:

- Thửa đất số 41, tờ số 08, diện tích 1970m² (ONT: 200m², đất vườn: 1770m²);
- Thửa đất số 813, tờ số 08, diện tích 990m² (đất màu 990m²);
- Thửa đất số 807, tờ số 08, diện tích 1630m² (đất màu: 1630m²);
- Thửa đất số 176, tờ số 08, diện tích 775m² (đất lúa 775m²).

Các thửa đất nêu trên đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án V.

Bên cạnh đó, năm 2010 khi tiến hành triển khai thực hiện dự án V để đo đạc lại bản đồ địa chính và tiến hành kê khai cấp đổi, cấp lần đầu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã thì UBND xã V có thành lập Hội đồng tư vấn về đăng ký đất đai để tiến hành họp xét các trường hợp kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã. Qua nhiều lần Hội đồng tư vấn xã tiến hành họp xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với các trường hợp có làm hồ sơ kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (có trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện) thì trong hộ cụ A không có ai kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại Thửa đất số 48.

Theo Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của UBND huyện V thì Thửa đất số 48 thuộc quy hoạch đất Phân Trạm y tế T3. Theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh K về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện V thì Thửa đất số 48 thuộc quy hoạch đất Khu T.

Căn cứ nội dung Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND xã V về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do vượt quá thẩm quyền xử phạt. Từ các nội dung trên, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số: 8247/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp bà Nguyễn Thị D là đúng pháp luật.

Tại Văn bản số: 363/UBND ngày 20/7/2023 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã V trình bày:

Thông nhất với trình bày của Chủ tịch UBND huyện V, và trình bày bổ sung: Bà Nguyễn Thị D và 05 người khác trong gia đình biết Thửa đất số 48 thuộc quyền quản lý của UBND xã V, không được xem xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vẫn cố ý xây dựng hàng rào chiếm đất để bán cho người khác (việc mua bán sau đó không thành do người mua biết đất của Nhà nước nên không mua nữa). Khi thực hiện hành vi rào chiếm đất, lực lượng chức năng địa phương yêu cầu ngừng lại nhưng không chấp hành, có hành vi chống đối gây mất trật tự; Thửa đất số 48 tiếp giáp đường liên xã, nhiều người qua lại, khi vụ việc xảy ra có đông người tụ tập nên xã buộc phải yêu cầu người vi phạm về trụ sở UBND xã để lập biên bản; bà L không ký biên bản và thi hành quyết định xử phạt nên phải lên phương án cưỡng chế sau gần nửa năm mới thực hiện được. UBND xã V không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người làm chứng trình bày:

- Ông Nguyễn H: Ông là hàng xóm của gia đình cụ A và cụ C. Vào năm 1978, ông đi kinh tế mới H (nay là thôn T, xã V) được biết nhà nước cấp thửa đất cho cụ Nguyễn A và cụ Nguyễn Thị C để ở. Sau đó, cụ A và cụ C cất nhà trên thửa đất được cấp nhưng thời gian sau này bị ngập lụt nên gia đình cụ A chuyển lên thửa đất hiện tại đang sinh sống.

- Ông Bùi M: Ông là hàng xóm, làm giềng của cụ A và cụ C. Vào năm 1978, Nhà nước cấp đất cho gia đình cụ Nguyễn A và cụ Nguyễn Thị C để ở. Sau đó, cụ A và cụ C cất nhà tranh vách đất để ở. Sau đó nhà bị ngập lụt nên chuyển về thửa đất hiện tại đang ở. Mảnh đất này được gia đình cụ Ảnh canh tác, trồng trọt. Sau một thời gian thì cụ A và cụ C mất thì ông L1 (con trai cụ A và cụ C) vẫn tiếp tục trồng trọt, canh tác trên mảnh đất này.

- Ông Phan Huỳnh D1: Ông là hàng xóm của gia đình cụ A và cụ C. Vào năm 1978, ông đi kinh tế mới H (nay là thôn T, xã V) được biết nhà nước cấp thửa đất cho cụ Nguyễn A và cụ Nguyễn Thị C để ở. Sau đó, cụ A và cụ C cất nhà tranh vách đất trên thửa đất được cấp nhưng thời gian sau này bị ngập lụt nên gia đình cụ A chuyển lên thửa đất hiện tại đang sinh sống.

+ Ông Trần K1, sinh năm 1937: Ông là hàng xóm, làm giềng của cụ A và cụ C. Ông được biết vào đầu năm 1978, ông đi kinh tế mới H (nay là thôn T, xã V) đã thấy gia đình cụ Nguyễn A và cụ Nguyễn Thị C là cha mẹ của bà D khai hoang mảnh đất dọc theo ruộng sinh (mảnh đất đang bị xử lý vi phạm hành chính). Từ đó đến nay gia đình cụ A và cụ C vẫn canh tác trên mảnh đất đã khai hoang trên. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

+ Ông Trần Văn K2: Ông là hàng xóm của gia đình cụ A và cụ C, là Trưởng ban khu vực kinh tế mới H (nay là thôn T, xã V). Sau khi khai hoang đủ quỹ đất, nhà nước phân ô là 750m²/hộ và giao cho các hộ làm nhà ở, nhà tranh vách đất tiêu chuẩn 4m x 6m và thửa đất này được giao cho gia đình cụ A và cụ C. Sau đó, vì mưa gió sập nhà nên gia đình cụ A đã chuyển sang bên đối diện để ở nhưng ông không nhớ rõ năm nào. Cụ Ảnh và cụ C xây dựng nhà ở từ đó đến nay. Mảnh đất cũ này vẫn được canh tác, trồng trọt cho đến bây giờ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC- ST ngày 31/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

“- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 28, 38, 52, 58, 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

- Căn cứ khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Áp dụng Điều 10 và Điều 31 Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

1. *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về hủy Quyết định số: 8247/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.*”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tòa tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2023, bà Nguyễn Thị D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, đây là phiên tòa được mở lần 2 và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, những đương sự đều có lời trình bày trong hồ sơ, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 8247/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với bà Nguyễn Thị D là quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chiếm đất nông nghiệp với diện tích từ 0,1ha đến 0,5 ha là đúng thẩm quyền quy định Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[4] Do bà Nguyễn Thị D có hành vi xây hàng rào bao quanh diện tích 2.990,1m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14 nên Ủy ban nhân dân xã V đã lập “*Biên bản vi phạm hành chính*” số 939/BB-VPHC ngày 06/10/2021. Bà D có tham gia nhưng không ký vào biên bản vi phạm hành chính nhưng biên bản đã sự tham gia của 02 người làm chứng là ông Phan Văn T1 và ông Nguyễn Đức T2 nên biên bản vi phạm hành chính được lập đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 939/BB-VPHC, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 8247/QĐ-XPVPHC đối với bà Nguyễn Thị D là đúng trình tự, thủ tục.

[4] Theo bà Nguyễn Thị D thì nguồn gốc thửa đất 2.990,1m² nguyên là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 08 nay là thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính VN-2000) là do vợ chồng cụ Nguyễn A, Nguyễn Thị C (cha mẹ của bà D) được Nhà nước cấp để ở và canh tác từ năm 1978. Cụ A, C đã sử dụng đất để trồng điều và các loại cây hoa màu ôn đới, không ai tranh chấp từ đó cho đến nay.

Tuy nhiên:

Theo Bản đồ địa chính năm 1996, thì thửa đất 2.990,1m² là một phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 8, loại đất Hg, diện tích 6.485m², chủ sử dụng là UBND xã V.

Theo Bản đồ địa chính VN-2000, thì thửa đất 2.990,1m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.355,2m², mục đích sử dụng HBK, người sử dụng là hộ ông Nguyễn Đ. Việc thể hiện chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Đ là có sự nhầm lẫn trong quá trình lập Sổ mục kê vì ông Nguyễn Đ chết ngày 09/5/2023, ông Nguyễn Đ1 (là con của ông Nguyễn Đ) khẳng định thửa đất số 48 không liên quan gì đến gia đình ông và thực tế gia đình ông không sử dụng thửa đất này.

Để thực hiện Phương án giao đất nông nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân theo Nghị định 64/CP ngày 27-04-1993 của Chính phủ thì hộ ông Nguyễn A, bà Nguyễn Thị C có 07 khẩu sống chính bằng nông nghiệp được cân đối giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 41, 813, 807, 176 tờ bản đồ số 08 với tổng diện tích 5.365m² (trong đó ONT 200m²; vườn 1.770m²; đất màu 2.620m²; đất lúa 775m²)

Ông Nguyễn A có “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” đề ngày 26/6/1996 với nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41, 813, 807, 176 tờ bản đồ số 08 và đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất nêu trên. (b1 66).

Năm 2010, khi tiến hành triển khai thực hiện dự án V để đo đạc lại bản đồ địa chính và tiến hành kê khai cấp đổi, cấp lần đầu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông Nguyễn A không có ai tiến hành kê khai đăng ký đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14.

Tại “Biên bản làm việc” ngày 27/9/2021, thì bà Nguyễn Thị D xác nhận: “Nguồn gốc thửa đất là cha tôi để lại và trồng điều khoảng hơn 40 năm, tại thời điểm trồng điều thì không thấy UBND xã V lên làm việc tại thời điểm đó. Về làm hàng rào tại thửa đất 48, tờ bản đồ số 14 (Bản đồ địa chính VN-2000) là do 06 anh chị em tôi cùng nhau đứng ra làm để bảo vệ đất do cha tôi để lại. Ngoài ra tôi không có giấy tờ nào khác liên quan đến thửa đất trên”. (b1 46).

Như vậy, hộ cụ Nguyễn A di dân theo diện kinh tế mới, xây nhà ở trên một phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 08 nay là thửa số 48, tờ bản đồ số 14. Do đất bị ngập lụt không thể sử dụng làm nhà ở nên vào năm 1988, hộ cụ Nguyễn A đã chuyển sang nhận thửa đất số 41, tờ bản đồ số 08 diện tích 1.970m², nay là thửa đất

số 23, tờ bản đồ số 36 diện tích 2.647,2m² để xây nhà và ở ổn định từ đó đến nay. Cụ Ảnh không sử dụng thửa đất số 48 từ năm 1988 và cũng không thực hiện việc kê khai đăng ký đối với thửa đất này.

Vì vậy, có cơ sở xác định hiện tại thì thửa đất 2.990,1m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14 là do Ủy ban nhân dân xã V quản lý.

[5] Do thửa đất 2.990,1m² thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã V nên hành vi xây dựng hàng rào để bao chiếm đất của bà Nguyễn Thị D là hành vi chiếm đất nông nghiệp.

[6] Tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định như sau:

“Điều 14. Lấn, chiếm đất

2. Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau:

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;”

Đối chiếu quy định trên, bà Nguyễn Thị D có hành vi xây hàng rào chiếm 2.990,1m² đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V quyết định xử phạt bà D với số tiền 20.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Dư .1

[8] Về án phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Dư .1 Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Điều 28, 38, 52, 58, 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2, 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 10 và Điều 31 Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc đề nghị hủy Quyết định số 8247/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 án phí hành chính phúc thẩm, xác nhận bà Nguyễn Thị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai số 0010295 ngày 18/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa